

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ
TRƯỜNG CAO ĐẲNG KINH TẾ - KỸ THUẬT CẦN THƠ



CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Trình độ đào tạo: CAO ĐẲNG
(Hệ tốt nghiệp THPT)

Ngành: TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI
Mã ngành: 6220216

NĂM 2020

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

*(Ban hành theo Quyết định số 05 ngày 07 tháng 01 năm 2021
của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật Cần Thơ)*

Tên ngành: TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI

Mã ngành: 6220216

Trình độ đào tạo: Cao đẳng

Hình thức đào tạo: Chính quy

Đối tượng tuyển sinh: Tốt nghiệp THPT hoặc tương đương.

Thời gian đào tạo: 3 năm

1. Mục tiêu đào tạo

1.1. Mục tiêu chung:

Đào tạo những cử nhân Tiếng Anh thương mại có phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp và sức khỏe tốt để có thể làm việc hiệu quả trong các lĩnh vực chuyên môn có sử dụng Tiếng Anh, nắm vững những kiến thức chuyên sâu về Tiếng Anh thương mại, kinh tế và kinh doanh đáp ứng được yêu cầu của xã hội và của nền kinh tế trong quá trình hội nhập quốc tế.

1.2. Mục tiêu cụ thể:

Chương trình đào tạo nhằm trang bị cho người học:

1.2.1. Kiến thức:

- *Kiến thức chung:* hiểu được những chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước, có hiểu biết về các nguyên lý của chủ nghĩa Mác – Lênin, đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam và tư tưởng Hồ Chí Minh, có kiến thức cơ bản trong lĩnh vực khoa học xã hội và khoa học nhân văn làm nền tảng tiếp thu kiến thức giáo dục chuyên nghiệp.

- *Kiến thức chuyên ngành:* có kiến thức nền tảng và chuyên sâu về các cấp độ và bình diện của Tiếng Anh như ngữ âm, hình thái, từ vựng, cú pháp, ngữ nghĩa, văn hóa – văn học của các nước thuộc cộng đồng Anh ngữ; kiến thức chuyên ngành nền tảng và nâng cao về thương mại (kinh tế, thương mại quốc tế, tài chính, kế toán, giao tiếp kinh doanh, thư tín, hợp đồng,...) để ứng dụng trong công tác chuyên môn và hội nhập xã hội.

1.2.2. Kỹ năng:

Người học sau khi tốt nghiệp đạt chuẩn các kỹ năng căn bản của ngành Tiếng Anh và các kỹ năng chuyên sâu của chuyên ngành Tiếng Anh thương mại bao gồm:

- + Kỹ năng Tiếng Anh (Nghe-Nói-Đọc-Viết) tương đương với Bậc 4 (Cấp độ B2) theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc của Việt Nam hoặc các khung tham chiếu tương đương.
- + Có khả năng sử dụng tốt Tiếng Anh chuyên ngành kinh tế-thương mại.
- + Có khả năng dịch thuật văn bản, tài liệu phục vụ quản lý, kinh doanh và thực hành các kỹ năng biên-phiên dịch trong lĩnh vực kinh tế-thương mại.
- + Các kỹ năng lập luận, phản biện, nghiên cứu tính toán và phân tích dữ liệu, xử lý tình huống và giải quyết các vấn đề phức tạp khi tác nghiệp trong các hoạt động kinh doanh và giao tiếp quốc tế có sử dụng Tiếng Anh.
- + Có khả năng truyền đạt vấn đề và giải pháp đến người khác, khả năng thuyết trình, tổ chức và làm việc theo nhóm hiệu quả.
- + Có khả năng thực hiện nghiên cứu khoa học về các vấn đề cơ bản thuộc lĩnh vực chuyên ngành được đào tạo.
- + Kỹ năng Tiếng Pháp giao tiếp cơ bản (tự học).
- + Kỹ năng tin học: Đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo qui định của Hiệu Trưởng nhà trường.

1.2.3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

Chương trình đào tạo hướng đến việc giáo dục cho người học:

- + Có phẩm chất đạo đức tốt;
- + Có thái độ làm việc đúng mực, coi trọng đạo đức nghề nghiệp, có ý thức tổ chức kỷ luật và tôn trọng nội quy nơi làm việc;
- + Có năng lực về chuyên môn, nghiệp vụ đã được đào tạo;
- + Nắm vững và có khả năng chủ động cập nhật, vận dụng các kiến thức và quy định pháp luật liên quan để giải quyết công việc theo chức trách được giao;
- + Có sáng kiến trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao; có khả năng tự định hướng, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau; làm việc có trách nhiệm, quan tâm đến lợi ích cộng đồng.

1.3. Vị trí làm việc sau tốt nghiệp:

Người học tốt nghiệp ngành Tiếng Anh thương mại có thể đảm nhận các vị trí trong các doanh nghiệp trong nước, các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, các văn phòng đại diện, các tổ chức quốc tế, các tổ chức kinh tế và tài chính trong nước, quốc tế và khu vực thuộc các ngành nghề sau:

- + Ngành xuất nhập khẩu: chuyên viên, tư vấn, biên - phiên dịch viên, trợ lý giám đốc
- + Tài chính, ngân hàng, kiểm toán, kinh doanh, marketing, bất động sản, truyền thông, truyền hình, hàng không, quản lý dự án, nghiên cứu, tư vấn chính sách, v.v...

+ Ngành giáo dục: trợ lý giảng viên đại học/cao đẳng, chuyên viên, tư vấn...

2. Khối lượng kiến thức và thời gian khóa học:

- Số lượng môn học: 36 (không kể học phần Công tác xã hội)
- Khối lượng kiến thức toàn khóa học: 80 tín chỉ + 01 tín chỉ (học phần Công tác xã hội): **1.905 giờ (80 TC)**
- Khối lượng các môn học chung/đại cương: 435 giờ (20 TC)
- Khối lượng các môn học chuyên ngành: 1.470 giờ (60 TC)
- + Khối lượng lý thuyết: 446 giờ (34 TC)
- + Khối lượng thực hành, thực tập: 909 giờ (26 TC)
- + Thi, kiểm tra: 115 giờ

3. Nội dung chương trình:

3.1 Danh mục và thời lượng các môn học:

Mã MH	Tên môn học	Số tín chỉ	Thời gian học tập (giờ)			
			Tổng số	Trong đó		
				Lý thuyết	Thực hành/thực tập/thí nghiệm/bài tập/thảo luận	Thi/kiểm tra
I	Các môn học chung	20	435	157	255	23
CMC301	Giáo dục Quốc phòng và An ninh 1	2	30	20	8	2
CMC401	Giáo dục Quốc phòng và An ninh 2	2	45	16	27	2
CMC202	Giáo dục thể chất	2	60	5	51	4
CMC108	Giáo dục Chính trị 1	2	30	20	8	2
CMC205	Giáo dục Chính trị 2	2	45	21	21	3
CMC204	Pháp luật đại cương	2	30	18	10	2
CMC109	Tiếng Anh 1	2	45	15	28	2
CMC207	Tiếng Anh 2	3	75	27	44	4
CMC103	Tin học	3	75	15	58	2
CXH3001	Công tác xã hội					
II	Các môn học chuyên ngành	60	1.470	446	909	115

II.1	Môn học cơ sở	22	450	184	234	32
CAT301	Ngữ âm thực hành (Pronuciation Practice)	2	45	12	30	3
CAT102	Ngữ pháp Tiếng Anh cơ bản (Basic Grammar)	2	45	12	30	3
CAT302	Kỹ năng Nghe (Listening)	2	30	28	0	2
CAT201	Kỹ năng Nói (Speaking)	2	45	12	30	3
CAT303	Kỹ năng Đọc (Reading)	2	30	28	0	2
CAT304	Kỹ năng Viết (Writing)	2	30	28	0	2
CAT305	Ngữ pháp Tiếng Anh nâng cao (Advanced Grammar)	2	45	12	30	3
CAT306	Kỹ năng Nghe TATM (Business Listening)	2	45	12	30	3
CAT307	Kỹ năng Nói TATM (Business Speaking)	2	45	12	30	3
CAT401	Kỹ năng Đọc TATM (Business Reading)	2	45	12	30	3
CAT402	Kỹ năng Viết TATM (Business Writing)	2	45	16	24	5
II.2	Môn học chuyên môn	20	390	184	180	26
CAT403	Hình thái cú pháp học (Morphology & Syntax)	2	30	26	2	2
CAT404	Ngữ nghĩa-Ngữ dụng học (Semantics & Pragmatics)	2	30	26	2	2
CAT405	Lý thuyết dịch (The Theory of Translation)	2	30	28	0	2
CAT406	Biên dịch thương mại (Business Translation)	2	45	12	30	3
CAT407	Phiên dịch thương mại	2	45	12	30	3

	(Business Interpretation)					
CAT601	Văn hóa Anh (British Culture)	2	30	28	0	2
CAT602	Văn hóa Mỹ (American Culture)	2	30	28	0	2
CAT501	Kỹ năng thuyết trình & diễn thuyết trước công chúng (Presentation skills & Public Speaking)	1	30	0	28	2
CAT603	Truyền thông chuyên nghiệp (Professional Communication)	1	30	0	28	2
CAT502	Tiếng Anh Du lịch-Khách sạn (English for Tourism & Hospitality)	2	45	12	30	3
CAT503	Tiếng Anh chuyên ngành Logistics (English for Logistics)	2	45	12	30	3
II.3	Môn học tự chọn (Chọn 3 trong 6 môn)	6	90	78	6	6
CAT504	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính-Ngân hàng (English for Finance & Banking)	2	30	26	2	2
CAT505	Tiếng Anh chuyên ngành Kế toán (English for Accounting)	2	30	26	2	2
CAT506	Tiếng Anh chuyên ngành Luật (English for Laws)	2	30	26	2	2
CAT507	Tiếng Anh chuyên ngành Quản trị (English for Business Administration)	2	30	26	2	2

CAT508	Giao tiếp kinh doanh liên văn hóa (Intercultural Business Communication)	2	30	26	2	2
CAT509	Quản trị nguồn nhân lực_TATM (Human Resource Management_Business English)	2	30	26	2	2
II.4	Thực tập	12	540	0	489	51
CAT510	Thực tập doanh nghiệp 1	3	135	0	112	23
CAT602	Thực tập doanh nghiệp 2	4	180	0	152	28
CKL5555	Thực tập tốt nghiệp	5	225	0	225	0
Tổng cộng		80	1.905	603	1.164	138